

## DẪN LIỆU MỚI VỀ THÀNH PHẦN LOÀI LƯƠNG CƯ, BÒ SÁT Ở VƯỜN QUỐC GIA XUÂN SƠN, TỈNH PHÚ THỌ

NGUYỄN LÂN HÙNG SƠN,  
LÊ TRUNG DŨNG, NGUYỄN THỊ THANH TÂM  
*Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

Khu Bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Xuân Sơn (tỉnh Phú Thọ) có tên trong danh sách các khu rừng cấm quốc gia theo Nghị định số 194/CT ngày 09/08/1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ). Ngày 17/04/2002, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 49/2002/QĐ-TTg chuyển hạng KBTTN Xuân Sơn thành Vườn Quốc gia (VQG) Xuân Sơn và giao cho UBND tỉnh Phú Thọ trực tiếp quản lý với tổng diện tích vùng lõi là 15.048ha và diện tích vùng đệm là 18.639ha. Vườn được phân chia thành 3 phân khu chức năng chính: Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 9.099ha, phân khu phục hồi sinh thái 5.737ha, phân khu dịch vụ hành chính 212ha [3].

Cho đến nay đã có một số nghiên cứu về khu hệ lưỡng cư, bò sát ở khu vực Xuân Sơn từ những năm 1973 tới năm 2003. Trong công trình của Trần Minh Hợi và cs. (2008) đã đưa ra danh lục bò sát, ếch nhái ở VQG Xuân Sơn, trong đó: Lớp bò sát có 44 loài thuộc 14 họ, 2 bộ; lớp Ếch nhái có 27 loài thuộc 6 họ, 1 bộ.

Danh sách thành phần loài lưỡng cư, bò sát của VQG Xuân Sơn tiếp tục được cập nhật trong công trình của Nguyễn Văn Sáng, Nguyễn Quảng Trường (2009). Theo đó, đã ghi nhận ở VQG Xuân Sơn: Lớp Bò sát có 48 loài thuộc 14 họ, 2 bộ và lớp Lưỡng cư có 29 loài thuộc 8 họ, 3 bộ. Kết quả của công trình này đã bổ sung cho nghiên cứu trước đây thêm 2 loài lưỡng cư và 4 loài bò sát, bao gồm: *Brachytarsophrys feae*, *Tylototriton vietnamensis* và *Calotes emma*, *Eutropis multifasciata*, *Calamaria septentrionalis*, *Pseudoxenodon bambusicola*. Trong các điều tra trên, một số loài có thu được mẫu. Tuy nhiên, tại thời điểm đó, VQG Xuân Sơn chưa có điều kiện lưu giữ, bảo quản mẫu nên cho đến nay tại VQG không có mẫu lưỡng cư, bò sát nào được lưu giữ. Chính vì vậy, chúng tôi đã tiến hành điều tra thu thập mẫu vật lưỡng cư, bò sát tại VQG Xuân Sơn trong năm 2012 nhằm tìm kiếm bổ sung về thành phần loài so với các kết quả nghiên cứu trước đây, đồng thời xây dựng bộ mẫu vật trưng bày tại Bảo tàng Thiên nhiên Vườn Quốc gia Xuân Sơn mới được xây dựng.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chúng tôi tiến hành 2 đợt khảo sát: Đợt 1, từ 10 đến 15/07/2012, đợt 2, từ 11 đến 16/11/2012.

Trên địa bàn VQG Xuân Sơn thuộc địa phận huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ, chúng tôi thiết lập 3 tuyến khảo sát: Tuyến 1 từ trạm kiểm lâm xóm Dù (21°07'32''N, 104°57'42''E) đến xóm Lạng (21°06'29''N, 104°57'42''E); tuyến 2 từ trạm kiểm lâm xóm Dù đến núi Ten (21°06'58''N, 104°55'58''E); tuyến 3 từ trạm kiểm lâm xóm Dù qua xóm Lập (21°08'30''N, 104°56'56''E) đến xóm Côi (21°07'50''N, 104°57'21''E).

Thu thập mẫu vật: Mẫu vật chủ yếu được thu thập bằng tay, gậy thông lọng, gậy chữ L và kẹp bắt rắn. Vật mẫu sau khi thu được chụp ảnh, được định hình bằng cồn 90%, sau đó chuyển sang bảo quản trong cồn 70%.

Định loại lưỡng cư, bò sát theo tài liệu của Đào Văn Tiến (1977), Nguyễn Văn Sáng (2007), Indraneil Das (2010), Zhao (1993), Nguyen Van Sang *et al.* (2009).

Sắp xếp danh lục và tên khoa học của loài lấy theo tài liệu Nguyen Van Sang *et al.* (2009), có tham khảo cập nhật thêm một số bài báo mới công bố.

Tiêu chuẩn đánh giá loài bị đe dọa theo Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ IUCN (2012).

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### 1. Thành phần loài

Tổng số mẫu đã thu thập qua 2 đợt thực địa ở VQG Xuân Sơn là 61 mẫu lưỡng cư, bò sát. Qua phân tích, định loại, chúng tôi đã thống kê được 32 loài, trong đó: Lớp Lưỡng cư có 19 loài thuộc 14 giống, 5 họ, 1 bộ; lớp Bò sát có 13 loài thuộc 13 giống, 5 họ, 1 bộ. Thành phần loài lưỡng cư, bò sát được thể hiện cụ thể trong bảng 1.

Bảng 1

**Thành phần loài lưỡng cư, bò sát thu thập được tại Vườn Quốc gia Xuân Sơn trong năm 2012**

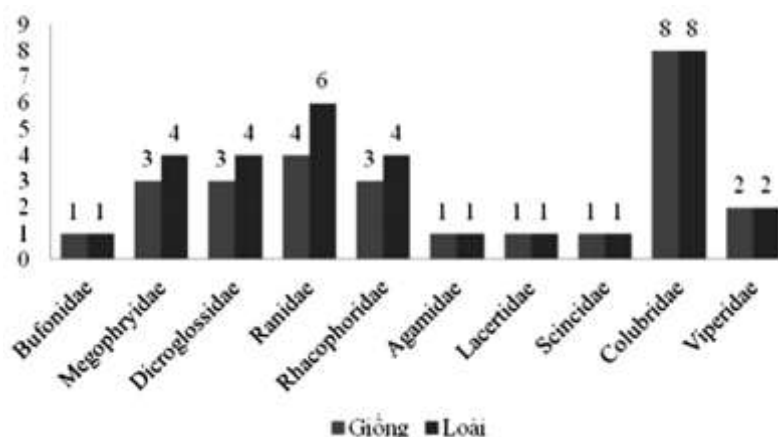
TT	Tên khoa học	Tên phổ thông	Số mẫu thu
	<b>AMPHIBIA Linnaeus, 1758</b>	<b>LỚP LƯƠNG CƯ</b>	
	<b>I. ANURA Fischer von Waldheim, 1813</b>	<b>BỘ KHÔNG ĐUÔI</b>	
	<b>1. Bufonidae Gray, 1825</b>	<b>Họ Cóc</b>	
1	<i>Duttaphrynus melanostictus</i> (Schneider, 1799)	Cóc nhà	1
	<b>2. Megophryidae Bonaparte, 1850</b>	<b>Họ Cóc bùn</b>	
2 <sup>(*)</sup>	<i>Leptotalax firthi</i> (Jodi, 2010)	Cóc mây firthi	1
3 <sup>(*)</sup>	<i>Leptotalax sungi</i> Lathrop, Murphy, Orlov & Ho, 1998	Cóc mây sung	1
4 <sup>(*)</sup>	<i>Ophryophryne pachyprotus</i> Kou, 1985	Cóc núi	4
5 <sup>(*)</sup>	<i>Xenophrys major</i> (Boulenger, 1908)	Cóc mắt bên	1
	<b>3. Dicroglossidae Anderson, 1871</b>	<b>HọẾch nhái thực</b>	
6	<i>Fejervarya limnocharis</i> (Gravenhorst, 1829)	Ngóe	2
7	<i>Limnonectes kuhlii</i> (Tschudi, 1838)	Ếch nhẽo	2
8 <sup>(*)</sup>	<i>Limnonectes poilani</i> (Bourret, 1942)	Ếch poi-la-ni	1
9	<i>Quasipaa verrucospinosa</i> (Bourret, 1937)	Ếch gai sần	1
	<b>4. Ranidae Hoffman, 1932</b>	<b>HọẾch nhái</b>	
10 <sup>(*)</sup>	<i>Amolop ricketti</i> (Boulenger, 1899)	Ếch bám đá	5
11 <sup>(*)</sup>	<i>Amolops spinaepectoralis</i> Inger, Orlov & Darevsky, 1999	Ếch bám đá gai ngực	1
12	<i>Hylarana maosonensis</i> (Bourret, 1937)	Chàng mẫu sơn	3
13 <sup>(*)</sup>	<i>Odorrana graminea</i> (Boulenger, 1900)	Ếch g-ra-mi-ne-a	3
14 <sup>(*)</sup>	<i>Odorrana orba</i> (Stuart & Bain, 2005)	Ếch mỡ côi	1
15	<i>Rana johnsi</i> Smith, 1921	Hiu hiu	2

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên khoa học	Tên phổ thông	Số mẫu thu
	<b>5. Rhacophoridae</b>	<b>HọẾch cây</b>	
16	<i>Polypedates leucomystax</i> (Gravenhorst, 1829)	Ếch cây mép trắng	6
17 <sup>(*)</sup>	<i>Polypedates mutus</i> (Smith, 1940)	Ếch cây mi-an-ma	1
18 <sup>(*)</sup>	<i>Rhacophorus dennysi</i> Blanford, 1881	Ếch cây xanh đốm	1
19 <sup>(*)</sup>	<i>Theioderma cf. corticlae</i> (Boulenger, 1903)	Ếch cây sần bắc bộ	1
	<b>REPTILIA Laurenti, 1768</b>	<b>LỚP BÒ SÁT</b>	
	<b>I. SQUAMATA Opperl, 1811</b>	<b>BỘ CÓ VÂY</b>	
	<b>1. Agamidae</b>	<b>Họ Nhông</b>	
20	<i>Acanthosaura lepidogaster</i> (Cuvier, 1829)	Ô rô vảy	3
	<b>2. Lacertidae Gray, 1825</b>	<b>Họ Thằn lằn chính thức</b>	
21	<i>Takydromus sexlineatus</i> Daudin, 1802	Liu điu chỉ	1
	<b>3. Scincidae Opperl, 1811</b>	<b>Họ Thằn lằn bóng</b>	
22 <sup>(*)</sup>	<i>Spenomophus cryptotis</i> Darvsky, Orlov & Ho, 2004	Thằn lằn phê nô tai lõm	4
	<b>3. Colubridae Opperl, 1811</b>	<b>Họ Rắn nước</b>	
23 <sup>(*)</sup>	<i>Lycodon rustrati</i> (Fischer, 1886)	Rắn khuyết đài loan	1
24	<i>Oligodon cinereus</i> (Gunther, 1864)	Rắn khiếm xám	1
25 <sup>(*)</sup>	<i>Oreocryptophis porphyraceus</i> (Cantor, 1839)	Rắn sọc đốm đỏ	1
26	<i>Ptyas korros</i> (Schlegel, 1837)	Rắn ráo thường	2
27 <sup>(*)</sup>	<i>Anphiesma khasiense</i> (Boulenger, 1890)	Rắn sãi kha-si	1
28	<i>Opisthotropis lateralis</i> Boulenger, 1903	Rắn trán bên	1
29	<i>Sinonatrix percarinata</i> (Boulenger, 1899)	Rắn hoa càn vân đen	1
30 <sup>(*)</sup>	<i>Xenochrophis flaripunctatus</i> (Halowell, 1861)	Rắn nước đốm vàng	4
	<b>4. Viperidae Opperl, 1811</b>	<b>Họ Rắn lục</b>	
31 <sup>(*)</sup>	<i>Cryptelytrops honsonensis</i> Grismer, Ngo & Grismer 2008	Rắn lục hòn sơn	1
32 <sup>(*)</sup>	<i>Protobothrops mucrosquamatus</i> (Cantor, 1839)	Rắn lục cườm	2

Chú thích: (\*) Những loài bổ sung so với các kết quả nghiên cứu trước đây.

Sự đa dạng về giống và loài trong các họ của đợt nghiên cứu 2012 ở VQG Xuân Sơn được thể hiện trong hình 1.



Hình 1. Biểu đồ đa dạng về số lượng giống và loài trong các họ lưỡng cư, bò sát thu thập được trong đợt nghiên cứu năm 2012 tại VQG Xuân Sơn

Qua hình 1 cho thấy ở lớp Lưỡng cư, họ Ranidae đa dạng nhất về cả số loài và số giống (6 loài, 4 giống). Ở lớp Bò sát, họ Colubridae đa dạng nhất về cả số loài và số giống (8 loài, 8 giống).

Kết quả nghiên cứu trong năm 2012 đã bổ sung so với các kết quả nghiên cứu trước đây 11 loài lưỡng cư và 6 loài bò sát (bảng 1). Như vậy, cho đến nay, tổng số loài lưỡng cư bò sát đã xác định được ở VQG Xuân Sơn là 94 loài thuộc 68 giống, 22 họ, 5 bộ, trong đó lớp Bò sát có 54 loài bò sát thuộc 43 giống, 14 họ, 2 bộ; lớp Lưỡng cư có 40 loài thuộc 25 giống, 8 họ, 3 bộ. So với danh lục ếch nhái, bò sát của Việt Nam năm 2009 đã xác định có 177 loài lưỡng cư, 368 loài bò sát thì ở VQG Xuân Sơn số loài lưỡng cư chiếm 22,60% và số loài bò sát chiếm 14,67% so với tổng số loài của cả nước.

## 2. Các loài quý, hiếm có giá trị bảo tồn nguồn gen

Trong số 32 loài lưỡng cư, bò sát thu mẫu được ở VQG Xuân Sơn trong đợt nghiên cứu năm 2012 có 1 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam, 2007 ở bậc EN (nguy cấp) là loài Rắn ráo thường-*Ptyas korros*. Chúng tôi thu được 2 mẫu của loài này ở 2 sinh cảnh khác nhau: Một ở sinh cảnh rừng thường xanh trên núi đất và một ở sinh cảnh vườn trong khu dân cư.

Một loài lưỡng cư có đuôi quý hiếm có tên trong Danh lục Đỏ IUCN (2012) ở bậc NT (sắp bị đe dọa) và trong Nghị định số 32/NĐ-CP ở nhóm IIB đã được thu mẫu ở VQG Xuân Sơn vào tháng 4/2006 [8] đó là loài Cá cóc việt nam-*Tylototriton vietnamensis* Böhm, Schöttler, Nguyen et Köhler, 2005. Mẫu này hiện nay đang được lưu giữ tại Bảo tàng Sinh vật, Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Tuy nhiên, trong lần nghiên cứu năm 2012, mặc dù đã nỗ lực khảo sát kỹ khu vực trước đây thu được mẫu và một số khu vực có sinh cảnh tương tự khác nhưng chúng tôi vẫn không phát hiện và thu lại được mẫu của loài này. Do đó, cần tiếp tục triển khai nghiên cứu để thu thập thêm dẫn liệu về loài cá cóc này ở VQG Xuân Sơn. Đây là loài mới được công bố cho khoa học vào năm 2005. Loài này có vùng phân bố ở các tỉnh Cao Bằng, Phú Thọ, Bắc Giang, Nghệ An. Cho đến nay ở Việt Nam đã xác định có 6 loài trong bộ Lưỡng cư có đuôi: 2 loài thuộc giống *Paramesotriton* và 4 loài trong giống *Tylototriton*.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu năm 2012 đã thu được mẫu vật của 5 loài lưỡng cư, bò sát đặc hữu của Việt Nam trong đó có 3 loài lưỡng cư: Cóc mây sung (*Leptolalax sungi*), Ếch bám đá

gai ngực (*Amolops spinaepectoralis*), Ếch cây sần bắc bộ (*Theioderma corticlae*); 2 loài bò sát: Thằn lằn pheno tai lõm (*Spenomophus cryptotis*), Rắn lục hòn sơn (*Cryptelytrops honsonensi*).

Loài Cóc mào firthi (*Leptolalax firthi*) mới được phát hiện cho khoa học và công bố trên Tạp chí Zootaxa năm 2012 ở miền Trung cũng được phát hiện ở VQG Xuân Sơn trong đợt nghiên cứu này. Như vậy, cho thấy khu vực VQG Xuân Sơn là nơi có sự đa dạng cao về thành phần loài lưỡng cư, bò sát.

### III. KẾT LUẬN

- Nghiên cứu trong năm 2012 tại VQG Xuân Sơn đã thu thập được 61 mẫu lưỡng cư, bò sát thuộc 32 loài, trong đó: Lớp Lưỡng cư có 19 loài thuộc 14 giống, 5 họ, 1 bộ; lớp Bò sát có 13 loài thuộc 13 giống, 5 họ, 1 bộ.

- Kết quả nghiên cứu đã bổ sung 11 loài lưỡng cư và 6 loài bò sát cho VQG Xuân Sơn, nâng tổng số loài lưỡng cư, bò sát hiện biết ở VQG Xuân Sơn lên 94 loài với 54 loài bò sát và 40 loài lưỡng cư. Trong đó có loài Rắn ráo thường-*Ptyas korros* có tên trong Sách Đỏ Việt Nam, 2007 ở bậc EN (nguy cấp). Loài Cá cóc việt nam-*Tylototriton vietnamensis* không phát hiện lại được trong đợt nghiên cứu này.

**Kiến nghị:** Kết quả thu mẫu năm 2012 đã cung cấp cho Bảo tàng Thiên nhiên VQG Xuân Sơn đại diện 47,5% số loài lưỡng cư và 24,07% số loài bò sát hiện biết ở VQG. Vì vậy, cán bộ VQG Xuân Sơn cần phối hợp với các nhà khoa học để điều tra thu thập bổ sung mẫu vật hàng năm nhằm làm cho bộ sưu tập trưng bày tại bảo tàng được phong phú và đa dạng. Bộ sưu tập tại bảo tàng là cơ sở dữ liệu sinh động phục vụ công tác giáo dục bảo tồn cho cộng đồng và các hoạt động nghiên cứu khác.

*Lời cảm ơn:* Các tác giả xin cảm ơn Ban Quản lý VQG Xuân Sơn đã hỗ trợ giúp đỡ trong quá trình đoàn nghiên cứu tại Vườn.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách Đỏ Việt Nam, Phần I: Động vật. NXB. KHTN & CN, Hà Nội.
2. Das Indraneil, 2010. A field guide to the Reptiles of Thailand and South-East Asia. Asia Book.
3. Trần Minh Hợi, Nguyễn Xuân Đặng (chủ biên), 2008. Đa dạng sinh học và bảo tồn nguồn gen sinh vật tại Vườn Quốc gia Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ. NXB. Giáo dục, Hà Nội.
4. IUCN, 2012. IUCN Red list of Threatened Species, sources: www.iucnredlist.org.
5. Nguyễn Văn Sáng, 2007. Động vật chí Việt Nam (Phân bộ Rắn). NXB. KHKT, Hà Nội, 247 tr.
6. Nguyễn Văn Sáng, Nguyễn Quảng Trường, 2009. Báo cáo Khoa học Hội nghị Khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ ba. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tr.: 73-78.
7. Nguyen Van Sang, Ho Thu Cuc, Nguyen Quang Truong, 2009. Herpetofauna of Vietnam. Edition Chimaira, Frankfurt am Main.
8. Nguyễn Lâm Hùng Sơn, Lê Nguyên Ngật, 2006. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội-Các khoa học Tự nhiên, số 4/2006: 136-140.
9. Đào Văn Tiến, 1977. Tạp chí Sinh vật-Địa học, Hà Nội, XV (2): 33-40.
10. Zhao Er-Mi, Adler K., 1993. Herpetology of China, Soc.Study A34. mph.Rep., 517 pp.

**NEW DATA ON THE SPECIES COMPOSITION OF HERPETOFAUNA  
IN XUAN SON NATIONAL PARK, PHU THO PROVINCE**

**NGUYEN LAN HUNG SON, LE TRUNG DUNG, NGUYEN THI THANH TAM**

**SUMMARY**

Xuan Son National Park (NP) is located at Thanh Son district, Phu Tho province with a total core area of 15,048ha. Through two field surveys in 2012 at Xuan Son NP has collected 61 samples of amphibians and reptiles, which has been identified of 32 species. Among them, there are 19 species of amphibians belonging to 1 orders, 5 families, 14 genus and 13 species of reptiles belonging to 1 order, 5 families, 13 genus. The survey results have added to the fauna of the park 17 species including 11 species of amphibians and 6 species of reptiles compared with the results of previous studies. All the specimen collection in this survey were stored in Museum of Nature, Xuan Son NP. Collections represent 24.07% of reptiles and 47.5% of the known species of amphibians in Xuan Son National Park. A notable result is the record of one rare and precious species. It was listed in the Vietnam Red Book Data, 2007 at EN level (*Ptyas korros*).